

Bài tập câu bị động thì hiện tại đơn

Câu bị động ở thì hiện tại đơn được sử dụng khi người nói muốn nhấn mạnh vào đối tượng chịu tác động của hành động thay vì chủ thể thực hiện hành động đó. Cùng khám phá kho **bài tập câu bị động thì hiện tại đơn** kèm đáp án chi tiết được **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

Bài tập 1: Chuyển câu Chủ động thành câu Bị động.....	2
Bài tập 2: Lựa chọn đáp án đúng.....	4
Bài tập 3: Chia động từ.....	6
Bài tập 4: Viết câu hoàn chỉnh.....	8
Bài tập 5: Chuyển câu sang dạng bị động.....	10
Bài tập 6: Tìm và sửa lỗi sai.....	12

Bài tập 1: Chuyển câu Chủ động thành câu Bị động

Đề bài: Chuyển các câu sau sang thể bị động.

1. People speak English all over the world.
2. My mother cooks dinner every evening.
3. The gardener waters the flowers every morning.
4. They built a new bridge across the river.
5. Does she clean the house on weekends?
6. We do not use this computer very often.
7. Millions of people visit Paris every year.
8. The company employs two hundred workers.
9. He writes a report for the meeting.
10. Do cats catch mice?
11. My father reads the newspaper before breakfast.
12. They produce cars in this factory.
13. Students borrow books from the library regularly.
14. Does the mechanic fix the car?
15. The chef prepares the meal with fresh ingredients.
16. I feed my dog twice a day.
17. They sell fresh vegetables at the market.
18. Does John deliver the package?
19. We paint the fence every two years.
20. She does not accept credit cards here.

Đáp án bài tập 1

Câu	Đáp án	Giải thích
1	English is spoken all over the world.	Tân ngữ English (số ít) + is + V3 (spoken). Lược bỏ by people.
2	Dinner is cooked by my mother every evening.	Tân ngữ Dinner (số ít) + is + V3 (cooked). My mother là chủ thể xác định nên giữ lại sau by.
3	The flowers are watered by the gardener every morning.	Tân ngữ The flowers (số nhiều) + are + V3 (watered).
4	A new bridge is built across the river.	Tân ngữ A new bridge (số ít) + is + V3 (built). Lược bỏ by them.
5	Is the house cleaned by her on weekends?	Câu hỏi đảo Is lên đầu + S (the house) + V3 (cleaned).
6	This computer is not used very often.	Câu phủ định: S + is + not + V3 (used). Lược bỏ by us.
7	Paris is visited by millions of people every year.	Tân ngữ Paris (số ít) + is + V3 (visited).
8	Two hundred workers are employed by the company.	Tân ngữ Two hundred workers (số nhiều) + are + V3 (employed).
9	A report is written for the meeting by him.	Tân ngữ A report (số ít) + is + V3 (written).
10	Are mice caught by cats?	Câu hỏi số nhiều: Are + S (mice) + V3 (caught).
11	The newspaper is read by my father before breakfast.	Tân ngữ The newspaper (số ít) + is + V3 (read).
12	Cars are produced in this factory.	Tân ngữ Cars (số nhiều) + are + V3 (produced). Lược bỏ by them.
13	Books are borrowed from the library by students regularly.	Tân ngữ Books (số nhiều) + are + V3 (borrowed).
14	Is the car fixed by the mechanic?	Câu hỏi số ít: Is + S (the car) + V3 (fixed).
15	The meal is prepared with fresh ingredients by the chef.	Tân ngữ The meal (số ít) + is + V3 (prepared).
16	My dog is fed twice a day.	Tân ngữ My dog (số ít) + is + V3 (fed). Lược bỏ by me (ngầm hiểu).
17	Fresh vegetables are sold at the market.	Tân ngữ Fresh vegetables (số nhiều) + are + V3 (sold). Lược bỏ by them.
18	Is the package delivered by John?	Câu hỏi số ít: Is + S (the package) + V3 (delivered).
19	The fence is painted every two years.	Tân ngữ The fence (số ít) + is + V3 (painted). Lược bỏ by us.
20	Credit cards are not accepted here by her.	Câu phủ định số nhiều: S (Credit cards) + are + not + V3 (accepted).

Bài tập 2: Lựa chọn đáp án đúng

Đề bài: Chọn đáp án chính xác nhất (A, B, C hoặc D).

- English _____ in many countries.
A. speaks
B. is spoken
C. spoken
D. is speaking
- The house _____ every day.
A. is cleaned
B. cleans
C. is cleaning
D. cleaned
- Rice _____ in tropical countries.
A. grows
B. is grown
C. are grown
D. grow
- These cars _____ in Japan.
A. make
B. made
C. are made
D. is made
- _____ the letter _____ by him?
A. Does / write
B. Is / written
C. Is / write
D. Does / written
- The rubbish _____ away every morning.
A. throw
B. is thrown
C. throws
D. are thrown
- This song _____ by a famous singer.
A. is sung
B. sings
C. is singing
D. sung
- Information _____ on our website.
A. is found
B. are found
C. find
D. found
- _____ tea _____ in the garden?
A. Does / serve
B. Is / served
C. Are / served
D. Is / serve
- Many accidents _____ by careless driving.
A. cause
B. are caused
C. is caused
D. causes
- The documents _____ by the manager.
A. signs
B. are signed
C. is signed
D. sign
- Coffee _____ in Brazil.
A. produce
B. produces
C. is produced
D. are produced
- How often _____ the flowers _____?
A. do / water
B. are / watered
C. is / watered
D. does / water
- My car _____ regularly.
A. services
B. is serviced
C. service
D. are serviced
- This room _____ for meetings.
A. uses
B. is used
C. use
D. used
- _____ credit cards _____ here?
A. Do / accept
B. Are / accepted
C. Is / accepted
D. Does / accept
- The news _____ at 7 PM.
A. broadcast
B. is broadcast
C. broadcasts
D. are broadcast
- Cheese _____ from milk.
A. makes
B. is made
C. make
D. are made
- This computer _____ by anyone.
A. is not used
B. does not use
C. not used
D. is not using
- Where _____ these products _____?
A. do / sell
B. are / sold
C. is / sold
D. does / sell

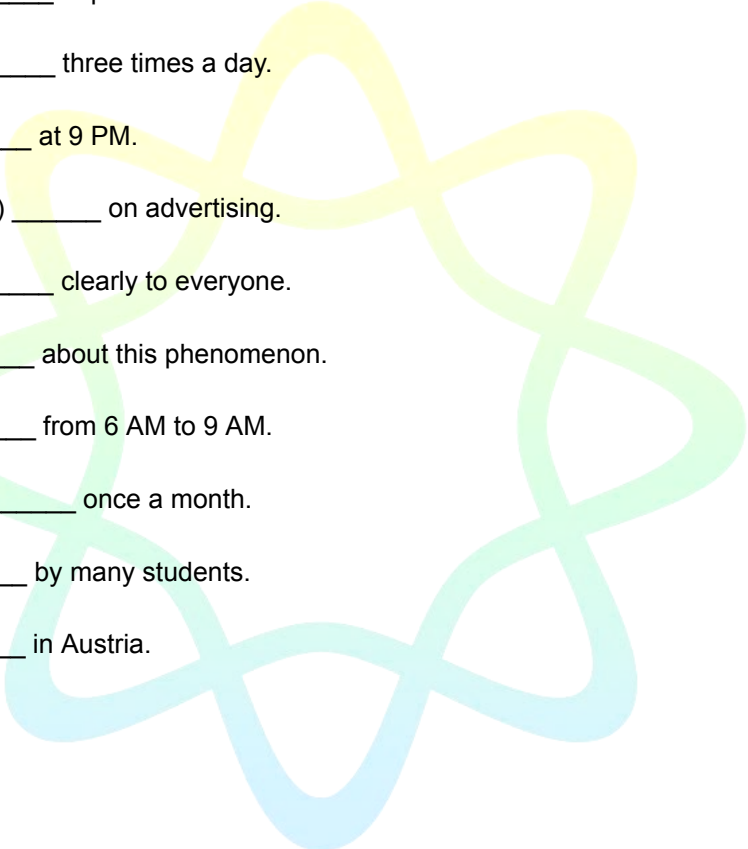
Đáp án bài tập 2

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B. is spoken	Chủ ngữ English số ít, động từ cột 3 của speak là spoken.
2	A. is cleaned	The house là vật, cần dùng bị động (to be + V3).
3	B. is grown	Rice là danh từ không đếm được (coi như số ít), V3 của grow là grown.
4	C. are made	These cars là số nhiều, dùng to be are.
5	B. Is / written	Câu hỏi bị động với chủ ngữ the letter (số ít) → Is + S + V3.
6	B. is thrown	Rubbish là danh từ không đếm được (số ít), V3 của throw là thrown.
7	A. is sung	This song số ít, V3 của sing là sung.
8	A. is found	Information là danh từ không đếm được (số ít), V3 của find là found.
9	B. Is / served	Tea là danh từ không đếm được (số ít), dùng Is... served.
10	B. are caused	Many accidents là số nhiều, dùng are caused.
11	B. are signed	The documents là số nhiều, dùng are signed.
12	C. is produced	Coffee (số ít/không đếm được) + is + produced.
13	B. are / watered	The flowers (số nhiều) trong câu hỏi → Are... watered.
14	B. is serviced	My car (số ít) + is + serviced (bảo dưỡng).
15	B. is used	This room (số ít) + is + used.
16	B. Are / accepted	Credit cards (số nhiều) trong câu hỏi → Are... accepted.
17	B. is broadcast	The news luôn là danh từ số ít (dù có s), V3 của broadcast vẫn là broadcast.
18	B. is made	Cheese (số ít) + is made.
19	A. is not used	Cấu trúc phủ định bị động: is + not + V3.
20	B. are / sold	These products (số nhiều) trong câu hỏi → Are... sold.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 2

Bài tập 3: Chia động từ

Đề bài: Chia động từ trong ngoặc ở dạng bị động của thì hiện tại đơn.

1. The mail (deliver) _____ by the postman every day.
 2. Waiters (pay) _____ to serve customers.
 3. This program (watch) _____ by millions of people.
 4. The floors (sweep) _____ every morning by the cleaner.
 5. History (teach) _____ by Mr. John.
 6. These toys (make) _____ of plastic.
 7. The animals (feed) _____ three times a day.
 8. The shop (close) _____ at 9 PM.
 9. A lot of money (spend) _____ on advertising.
 10. The rules (explain) _____ clearly to everyone.
 11. Not much (know) _____ about this phenomenon.
 12. Breakfast (serve) _____ from 6 AM to 9 AM.
 13. The windows (wash) _____ once a month.
 14. This book (read) _____ by many students.
 15. German (speak) _____ in Austria.
- 

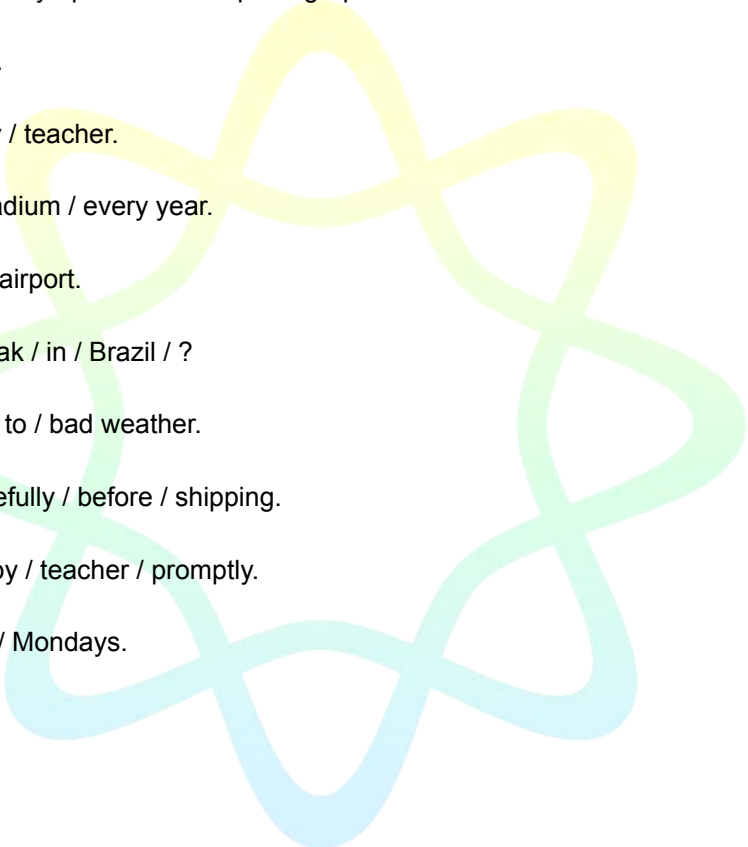
Đáp án bài tập 3

Câu	Đáp án	Giải thích
1	is delivered	Chủ ngữ The mail là danh từ không đếm được (số ít).
2	are paid	Chủ ngữ Waiters là danh từ số nhiều.
3	is watched	Chủ ngữ This program là số ít.
4	are swept	Chủ ngữ The floors là số nhiều, V3 của sweep là swept.
5	is taught	Chủ ngữ History (môn học) là số ít, V3 của teach là taught.
6	are made	Chủ ngữ These toys là số nhiều.
7	are fed	Chủ ngữ The animals là số nhiều, V3 của feed là fed.
8	is closed	Chủ ngữ The shop là số ít.
9	is spent	Chủ ngữ A lot of money (tiền bạc) là không đếm được (số ít), V3 của spend là spent.
10	are explained	Chủ ngữ The rules là số nhiều.
11	is known	Not much đại diện cho lượng không đếm được (số ít), V3 của know là known.
12	is served	Chủ ngữ Breakfast là số ít.
13	are washed	Chủ ngữ The windows là số nhiều.
14	is read	Chủ ngữ This book là số ít, V3 của read viết là read nhưng đọc là /red/.
15	is spoken	Chủ ngữ German (tiếng Đức) là số ít.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 3

Bài tập 4: Viết câu hoàn chỉnh

Đề bài: Xây dựng câu bị động hoàn chỉnh dựa trên các từ cho sẵn.

1. The / report / write / by / manager / every month.
 2. Football / play / all / over / world.
 3. Emails / send / by / secretary / daily.
 4. This / cake / not / make / with / sugar.
 5. How / glass / make / ?
 6. These / pictures / take / by / professional / photographer.
 7. Milk / keep / in / fridge.
 8. Question / answer / by / teacher.
 9. Concert / hold / in / stadium / every year.
 10. Luggage / check / at / airport.
 11. What / language / speak / in / Brazil / ?
 12. Meeting / cancel / due to / bad weather.
 13. Products / check / carefully / before / shipping.
 14. Homework / correct / by / teacher / promptly.
 15. Garbage / collect / on / Mondays.
- 

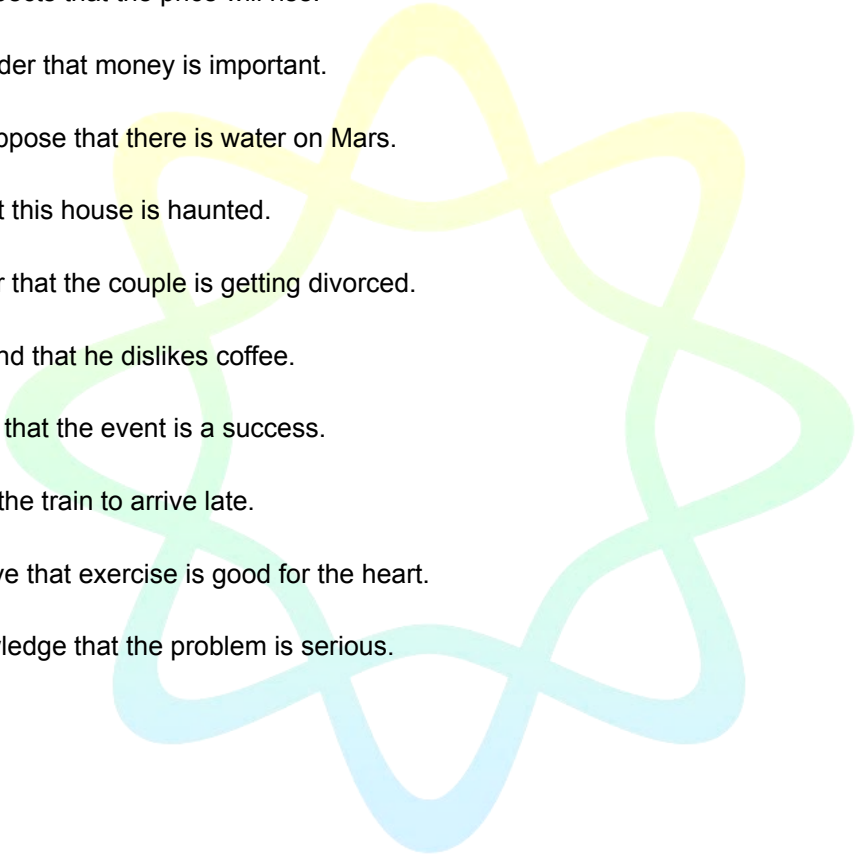
Đáp án bài tập 4

Câu	Đáp án	Giải thích
1	The report is written by the manager every month.	Thêm is phù hợp với report, đặt trạng từ thời gian cuối câu.
2	Football is played all over the world.	Thêm is và chuyển play thành played.
3	Emails are sent by the secretary daily.	Emails số nhiều dùng are, send chuyển thành sent.
4	This cake is not made with sugar.	Câu phủ định thêm is not, make chuyển thành made.
5	How is glass made?	Câu hỏi với từ để hỏi: Wh-word + to be + S + V3?
6	These pictures are taken by a professional photographer.	Pictures số nhiều dùng are, take chuyển thành taken. Thêm mạo từ a trước danh từ đếm được số ít chỉ người.
7	Milk is kept in the fridge.	Milk số ít dùng is, keep chuyển thành kept. Thêm the trước fridge.
8	The question is answered by the teacher.	Thêm mạo từ xác định The, question số ít dùng is.
9	The concert is held in the stadium every year.	Concert số ít dùng is, hold chuyển thành held.
10	Luggage is checked at the airport.	Luggage không đếm được dùng is.
11	What language is spoken in Brazil?	Câu hỏi: What language + is + V3 + ...?
12	The meeting is cancelled due to bad weather.	Meeting số ít dùng is, cancel chuyển thành cancelled (gấp đôi l).
13	Products are checked carefully before shipping.	Products số nhiều dùng are, trạng từ carefully đứng sau V3.
14	Homework is corrected by the teacher promptly.	Homework không đếm được dùng is.
15	Garbage is collected on Mondays.	Garbage không đếm được dùng is.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 4

Bài tập 5: Chuyển câu sang dạng bị động

Đề bài: Viết lại các câu sau sang dạng bị động (sử dụng cấu trúc khách quan hoặc chủ ngữ giả).

1. People say that he lives in London.
 2. They think that the company is losing money.
 3. We believe that she is the best candidate.
 4. People know that smoking is bad for health.
 5. They report that the president is coming.
 6. Everyone expects that the price will rise.
 7. People consider that money is important.
 8. Scientists suppose that there is water on Mars.
 9. They say that this house is haunted.
 10. People rumor that the couple is getting divorced.
 11. We understand that he dislikes coffee.
 12. People claim that the event is a success.
 13. They expect the train to arrive late.
 14. People believe that exercise is good for the heart.
 15. They acknowledge that the problem is serious.
- 

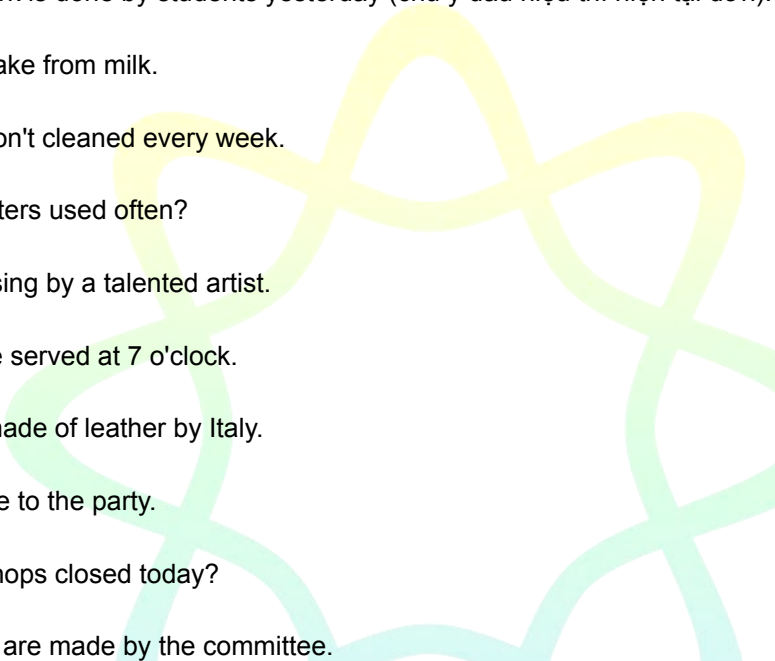
Đáp án bài tập 5

Câu	Đáp án	Giải thích
1	It is said that he lives in London.	Cấu trúc: It is + V3 (said) + that + mệnh đề giữ nguyên.
2	It is thought that the company is losing money.	Think → It is thought + that...
3	It is believed that she is the best candidate.	Believe → It is believed + that...
4	It is known that smoking is bad for health.	Know → It is known + that...
5	It is reported that the president is coming.	Report → It is reported + that...
6	It is expected that the price will rise.	Expect → It is expected + that...
7	It is considered that money is important.	Consider → It is considered + that...
8	It is supposed that there is water on Mars.	Suppose → It is supposed + that...
9	It is said that this house is haunted.	Say → It is said + that...
10	It is rumored that the couple is getting divorced.	Rumor → It is rumored + that...
11	It is understood that he dislikes coffee.	Understand → It is understood + that...
12	It is claimed that the event is a success.	Claim → It is claimed + that...
13	The train is expected to arrive late.	<i>Lưu ý:</i> Với động từ expect + tân ngữ + to V, ta chuyển: S (tân ngữ) + is expected + to V.
14	It is believed that exercise is good for the heart.	Believe → It is believed + that...
15	It is acknowledged that the problem is serious.	Acknowledge → It is acknowledged + that...

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 5

Bài tập 6: Tìm và sửa lỗi sai

Đề bài: Tìm lỗi sai trong các câu dưới đây và sửa lại cho đúng.

1. The letter are written by my friend.
 2. Football is playing in the park now.
 3. This car is drive by my uncle.
 4. The flowers is watered every day.
 5. Are English spoken in your country?
 6. The homework is done by students yesterday (chú ý dấu hiệu thì hiện tại đơn).
 7. Cheese is make from milk.
 8. The house don't cleaned every week.
 9. Is the computers used often?
 10. The song is sing by a talented artist.
 11. Breakfast are served at 7 o'clock.
 12. This bag is made of leather by Italy.
 13. I am not invite to the party.
 14. Why is the shops closed today?
 15. The decision are made by the committee.
- 

Đáp án bài tập 6

Câu	Đáp án đúng (Sửa lỗi)	Giải thích lỗi sai
1	The letter is written by my friend.	Chủ ngữ The letter số ít, phải dùng is, không dùng are.
2	Football is played in the park now.	Câu bị động phải dùng V3 (played), không dùng V-ing (playing).
3	This car is driven by my uncle.	V3 của drive là driven, không phải drive.
4	The flowers are watered every day.	Chủ ngữ The flowers số nhiều, phải dùng are.
5	Is English spoken in your country?	Chủ ngữ English số ít, trợ động từ đảo lên phải là Is.
6	The homework was done by students yesterday.	Dấu hiệu yesterday thuộc quá khứ đơn, không dùng is (Lỗi nhầm thì).
7	Cheese is made from milk.	V3 của make là made.
8	The house is not cleaned every week.	Phủ định của to be trong bị động là is not, không dùng don't.
9	Are the computers used often?	Chủ ngữ the computers số nhiều, phải dùng Are.
10	The song is sung by a talented artist.	V3 của sing là sung, không phải sing.
11	Breakfast is served at 7 o'clock.	Breakfast là danh từ không đếm được (số ít), dùng is.
12	This bag is made of leather in Italy.	Chỉ nơi chốn dùng giới từ in, by dùng cho tác nhân thực hiện (con người/tổ chức).
13	I am not invited to the party.	Thiếu dạng V3, invite phải chuyển thành invited.
14	Why are the shops closed today?	Chủ ngữ the shops số nhiều, phải dùng are.
15	The decision is made by the committee.	Decision số ít, dùng is (hoặc committee được coi là tập hợp nhất quán dùng số ít).

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 6